TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN PHÚ NHUẬN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA** **VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 761/2022/DS-ST
Ngày: 15/9/2022
Về việc: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Minh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thanh Dung

2. Bà Lê Thị Hải

- Thư ký phiên tòa: bà Trần Minh Tâm – cán bộ Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 15/9/2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 776/2020/TLST-DS ngày 14/10/2020 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 159/2022/QĐXXST-DS ngày 29/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 125/2022/QĐST-DS ngày 26/8/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP A**
Địa chỉ: quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lương Thị Mai S, sinh năm 1978 (Văn bản ủy quyền số 29/20/QĐ-PNN ngày 02/7/2020 của Ngân hàng TMCP A)

(Có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: **Ông Đào Hữu T**, sinh năm 1967
Địa chỉ: quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của Nguyên đơn Ngân hàng TMCP A và các bản tự khai của bà Lương Thị Mai S là người đại diện theo ủy của nguyên đơn trình bày:

Ông Đào Hữu T có quan hệ tín dụng với nguyên đơn Ngân hàng TMCP A - Chi nhánh Phú Nhuận theo Giấy đăng ký sử dụng dịch vụ thấu chi thẻ ngày 19/01/2010, chi tiết như sau: Tổng hạn mức cấp tín dụng: 2.000.000 VNĐ. Lãi suất: 1,4% tháng; Thời hạn vay: 12 tháng; Mục đích vay: tiêu dùng; Biện pháp bảo đảm: tín chấp theo lương. Trong quá trình sử dụng thẻ, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên từ ngày 19/01/2011 Ngân hàng TMCP A đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Nay Ngân hàng TMCP A khởi kiện yêu cầu ông Đào Hữu T phải trả tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 22/7/2022 là 8.257.230 đồng (trong đó nợ gốc là 1.998.000 đồng; tiền lãi quá hạn là

6.259.230 đồng; yêu cầu trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật đồng thời yêu cầu bị đơn tiếp tục chịu tiền lãi tính từ ngày 23/7/2022 đến ngày bị đơn trả hết nợ cho nguyên đơn theo mức lãi suất quá hạn hai bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập cho ông Đào Hữu T để tự khai; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông T đều vắng mặt, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không tiến hành hòa giải giữa các bên đương sự được.

Tại phiên tòa;

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bà Lương Thị Mai S có đơn xin xét xử vắng mặt và gửi bản tự khai yêu cầu bị đơn trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền tính đến ngày 15/9/2022 là 8.290.198 đồng (trong đó nợ gốc là 1.998.000 đồng và nợ lãi quá hạn là 6.292.198 đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 16/9/2022 cho đến khi bị đơn trả hết nợ theo mức lãi suất quá hạn hai bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký.

Bị đơn ông Đào Hữu T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã làm đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn cung cấp thì nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 15/9/2022 là 8.290.198 đồng (trong đó nợ gốc là 1.998.000 đồng và nợ lãi quá hạn là 6.292.198 đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 16/9/2022 đến ngày ông T trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP A là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn, Ngân hàng TMCP A có đơn yêu cầu Bị đơn, ông Đào Hữu T trả tiền nợ còn thiếu, đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền: Căn cứ đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP A; Giấy đăng ký sử dụng thấu chi tài khoản thẻ ngày 19/01/2010; Kết quả xác minh của Công an Phường 17, quận Phú Nhuận, thể hiện ông Đào Hữu T, sinh năm 1967, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, hiện tại không thực tế cư trú tại địa phương, đi đâu không rõ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về người tham gia tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt (Lần thứ nhất vào ngày 26/8/2022, lần thứ hai ngày 15/9/2022), nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về yêu cầu trả nợ gốc: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện nguyên đơn và bị đơn có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng theo Giấy đăng ký sử dụng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ ngày 19/01/2010, Điều kiện và điều khoản sử dụng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ đính kèm, được ký xác nhận giữa đại diện Ngân hàng TMCP A và ông Đào

Hữu T. Theo đó Ngân hàng TMCP A đã đồng ý cấp tín dụng cho ông T theo số tài khoản xxxxxx9191, hạn mức là 2.000.000 đồng với mục đích vay tiêu dùng. Ông T đã nhận thẻ và sử dụng ngay trong ngày 19/01/2010. Theo bảng kê chi tiết nợ chưa thanh toán của khách hàng Đào Hữu T thì tính đến ngày 15/9/2022 ông T chưa thanh toán nợ gốc là 1.998.000 đồng. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 3 của Giấy đăng ký sử dụng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ ngày 19/01/2010 nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền nợ gốc 1.998.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu bị đơn trả tiền lãi quá hạn:

Theo quy định Điều 2 của Giấy đăng ký sử dụng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ hai bên đã ký ngày 19/01/2010, Điều kiện và điều khoản sử dụng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ đính kèm, thể hiện các bên có thỏa thuận về lãi suất cho vay theo biểu lãi suất hiện hành do Ngân hàng TMCP A ban hành tại từng thời điểm. Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 luật các tổ chức tín dụng quy định "Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật" và Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước quy định: "Tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận đối với khách hàng". Ngoài ra tại khoản 2 Điều 22 của quyết định số 04/VBHN-NHNN của Ngân hàng Nhà nước ban hành ngày 24/4/2014 đã quy định nghĩa vụ của chủ thẻ như sau: "Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho Tổ chức phát hành thẻ các khoản phí, tiền vay và lãi phát sinh từ việc sử dụng thẻ theo đúng thỏa thuận tại hợp đồng sử dụng thẻ".

Từ những quy định nêu trên thì việc thỏa thuận lãi và phí phạt chậm thanh toán giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật. Do đó nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi quá hạn tính đến ngày 15/9/2022 là 6.292.198 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 16/9/2022 cho đến khi trả hết nợ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về thời hạn thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán ngay một lần số nợ trên. Hội đồng xét xử xét thấy: bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận trong Hợp đồng hai bên đã ký, làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán ngay một lần khoản nợ trên là không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn mà được Tòa án chấp nhận là 414.510 đồng. Hoàn lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 1 Điều 227; Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A.

Buộc ông Đào Hữu T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP A tổng số tiền tính đến ngày 15/9/2022 là **8.290.198 (tám triệu hai trăm chín mươi ngàn một trăm chín mươi tám) đồng**, bao gồm nợ gốc là 1.998.000 đồng và nợ lãi quá hạn là 6.292.198 đồng.

Buộc ông Tiến tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh kể từ ngày 16/9/2022 cho đến ngày ông T trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP A theo mức lãi suất quá hạn hai bên thỏa thuận trong Giấy đăng ký sử dụng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ ngày 19/01/2010, Điều khoản và điều kiện sử dụng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ đính kèm giữa Ngân hàng TMCP A với ông T.

Thanh toán một lần sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí:

Ông Đào Hữu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 414.510 (bốn trăm mười bốn ngàn năm trăm mười) đồng.

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0019357 ngày 14/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND Q. Phú Nhuận
- CCTHADS Q. Phú Nhuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hồ Thị Minh Thúy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh Dung **Lê Thị Hải** **Hồ Thị Minh Thúy**